

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 179 /2024/DS-PT
Ngày: 15-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng,
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm
Ông Nguyễn Tấn Tăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/4/2024, ngày 15/4/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2024/TLPT- DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng xây dựng, hợp đồng vay sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 152/2023/DS-ST ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn P, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (Có xuất trình giấy triệu tập tại Tòa ngày 09/4/2024, nhưng anh H không dự phiên tòa);

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Lê Thị H, sinh năm 1970 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Tân K, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lê Thanh S, sinh năm 1978 (phiên tòa ngày 09/4/2024 Có mặt; phiên tòa ngày 15/4/2024 đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ, nhưng anh S không dự phiên tòa);

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình Th, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Phùng Thị Ph, sinh năm 1955; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Huỳnh Văn P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 19/12/2014, bà Nguyễn Thị M là mẹ anh Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H và anh có ký hợp xây dựng nhà với điều kiện phải bao trọn gói tiền vật tư xây dựng và tiền công thợ; nhà chiều ngang 4,5m x dài 17m, diện tích 76m² (nhà Cụm dân cư B) với giá 170.000.000đồng (xây dựng nhà từ ngày 19/12/2014 đến ngày 19/02/2015) và bà M đưa trước cho anh số tiền 20.000.000đồng. Sau khi xây dựng nhà xong thì bà M không có tiền để thanh toán cho anh nên bà M đồng ý giao căn nhà này cho anh quản lý, không ai có quyền tranh chấp. Ngày 02/9/2016 bà M chết, đến ngày 17/9/2016 anh H là con của bà M yêu cầu anh giao lại căn nhà nói trên cho anh H; sau khi anh H nhận lại căn nhà mà anh xây dựng, nhưng lại không chịu trả số tiền còn lại là 150.000.000đồng cho anh. Nay anh yêu cầu anh H và bà H (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị M) có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền xây dựng nhà còn nợ là 150.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 2%/tháng kể từ ngày 01/10/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là anh chỉ yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho anh số tiền xây dựng nhà còn nợ là 150.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu bà H có nghĩa vụ liên đới cùng với anh H trả số tiền trên nữa, (không khởi kiện bà H với tư cách bị đơn nữa), vì việc xây dựng nhà anh H đang ở không liên quan gì đến bà H và anh cũng yêu cầu Tòa án không đưa bà H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án này nữa. Đồng thời, anh cũng xác định trong vụ án này anh chỉ tranh chấp số tiền 150.00.000đồng, không tranh chấp căn nhà anh H đang quản lý, sử dụng (căn nhà anh đã xây dựng). Còn đối với yêu cầu độc lập của anh Lê Thanh S về việc yêu cầu anh có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Phùng Thị Ph (mẹ anh) trả cho anh S số tiền 130.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi thì anh không đồng ý; bà Phùng Thị Ph là mẹ ruột của anh, lúc bà Ph vay tiền của anh Lê Thanh S thì anh và bà Ph vẫn còn sống chung nhà, chung hộ khẩu (ấp B, xã Bình T, nhưng tiền của ai thì người đó sử dụng, việc bà Ph vay tiền của anh S thì anh không biết; hiện nay anh và bà Ph vẫn còn chung hộ khẩu và vẫn sống chung nhà. Ngoài ra, anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Bị đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của anh (bà M chết ngày 02/9/2016); căn nhà mà bà M thuê anh Huỳnh Văn P xây dựng là căn nhà mà hiện nay anh đang quản lý, sử dụng. Anh thừa nhận hiện nay còn nợ anh P số tiền xây dựng nhà 150.000.000đồng và chưa trả, nay anh đồng ý trả cho anh P số tiền 150.000.000đồng. Đối với việc xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh P thì anh đồng ý, không có ý kiến gì. Đồng thời, anh cũng xác định số tiền mà anh P đang kiện anh không liên quan gì đến bà Lê Thị H (chị cùng mẹ khác cha với anh), anh cũng đồng ý với ý kiến của anh P là yêu cầu Tòa án không đưa bà Lê Thị H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án này nữa. Ngoài ra anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình:

+ Anh Lê Thanh S ủy quyền cho chị Bùi Thanh Th trình bày: Anh S yêu cầu anh Huỳnh Văn P và bà Phùng Thị Ph (mẹ anh P) có nghĩa vụ liên đới trả cho anh S số tiền 130.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; số tiền này bà Ph đã vay của anh S để đưa cho anh P mua vật liệu xây dựng nhà cho anh H, lúc bà Ph vay tiền của anh S thì bà Ph và anh P sống chung nhà, chung hộ khẩu và hiện nay vẫn chung hộ khẩu. Số tiền 130.000.000đồng bà Ph vay vào năm 2013, 2014 nhưng đến năm 2017, 2018 mới làm biên nhận cho anh S (do trước đây là chỗ quen biết nên không làm biên nhận). Ngoài ra anh S không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

+ Bà Phùng Thị Ph trình bày: Bà là mẹ của anh Huỳnh Văn P, bà thừa nhận hiện nay còn nợ anh S số tiền 130.000.000đồng, nay bà đồng ý trả cho anh S số tiền 130.000.000đồng. Còn việc anh S yêu cầu anh P cùng liên đới với bà để trả số tiền 130.000.000đồng thì bà không có ý kiến, bà vay tiền của anh S là để nuôi ếch, chơi hội và mua giống trồng cây con, lúc bà vay tiền của anh S thì bà và anh P còn chung hộ khẩu và sống chung nhà nhưng tiền của ai thì người đó sử dụng và hiện nay bà và anh P vẫn còn chung hộ khẩu. Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2023/DS-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn P.

Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn P số tiền xây dựng nhà còn nợ (thiếu) là 150.000.000đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Thanh S.

Buộc bà Phùng Thị Ph và anh Huỳnh Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Thanh S số tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn H phải chịu 7.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phùng Thị Ph và anh Huỳnh Văn P phải liên đới chịu 6.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà Ph là người cao tuổi nên bà Ph được miễn, còn anh Huỳnh Văn P phải chịu 1/2 số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.250.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 3.750.000đồng theo biên lai số 0000162 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh P được nhận lại số tiền 500.000đồng.

+ Anh Lê Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000đồng theo biên lai số 0000981 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2023, anh Huỳnh Văn P có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không buộc anh có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông S.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Huỳnh Văn P vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Huỳnh Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/4/2024 anh H có xuất trình giấy triệu tập họp lệ tại Tòa nhưng anh H không tham dự phiên tòa; ngày 15/4/2024 anh S đã nhận giấy triệu tập họp lệ tại Tòa, nhưng anh S cũng không dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử, xử vắng mặt các đương sự.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Văn P không đồng ý liên đới trả nợ cùng với bà Ph, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo anh S trình bày: Vào năm 2013, 2014 anh S có cho bà Phùng Thị Ph (mẹ anh P) vay số tiền 130.000.000đồng, nhưng đến năm 2017, 2018 mới làm biên nhận cho anh (lý do là chỗ quen biết với nhau nên không làm biên nhận), số tiền này anh S cho rằng bà Ph vay để đưa cho anh P mua vật liệu xây dựng nhà cho gia đình anh H, lúc

bà Ph vay tiền thì bà Ph, anh P sống chung nhà, chung hộ khẩu và hiện nay vẫn chung hộ khẩu. Nay anh S yêu cầu bà Ph và anh P có nghĩa vụ liên đới trả cho anh S số tiền 130.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy: Anh S yêu cầu anh P có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Ph trả cho anh số tiền 130.000.000đồng, anh P không đồng ý, anh cho rằng bà Ph là mẹ ruột của anh, lúc bà Ph vay tiền của anh S thì anh không biết, bà Ph cũng không đưa tiền cho anh để mua vật liệu xây dựng nhà cho gia đình anh H. Theo các biên nhận vay mượn tiền là vào năm 2017, 2018, nhưng anh P xây dựng nhà cho gia đình anh H vào năm 2014, không liên quan gì đến việc vay tiền của mẹ anh, hiện nay anh vẫn sống chung nhà với bà Ph, chung hộ khẩu, nhưng việc làm ra tiền của ai thì người đó sử dụng và hiện tài sản nhà và đất mẹ anh là người quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh S cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà Ph vay tiền của anh vào năm 2013, 2014 để đưa cho anh P mua vật tư để xây dựng nhà cho gia đình anh H, vì theo các giấy mượn tiền ngày 28/11/2017 số tiền 30.000.000đ; ngày 15/01/2018 số tiền 10.000.000đ; ngày 27/02/2018 số tiền 40.000.000đ; ngày 10/4/2018 số tiền 30.000.000đ; ngày 17/6/2018 số tiền 10.000.000đ; ngày 03/7/2018 số tiền 10.000.000đ trong nội dung không thể hiện bà Ph vay tiền để đưa cho anh P mua vật tư xây dựng nhà cho gia đình anh H và cũng không thể hiện rõ mục đích bà Ph vay để làm gì, trong giấy mượn tiền chỉ có bà Ph là người ký nhận. Do đó, án sơ thẩm nhận định từ năm 2013, 2014 khi bà Ph vay tiền của anh S, thì anh P sống chung nhà và chung hộ khẩu với bà Ph để chấp nhận yêu cầu của anh S, buộc anh P liên đới cùng bà Ph trả số tiền 130.000.000đồng cho anh S là chưa có căn cứ. Vì vậy, xét yêu cầu của anh S yêu cầu anh P có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bà Ph là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận như đã phân tích trên.

Do không chấp nhận yêu cầu buộc anh P liên đới trả nợ cùng bà Ph, nên anh S phải chịu án phí sơ thẩm.

[2] Đối với số tiền xây dựng nhà 150.000.000đ gia đình anh H còn nợ anh P, tại phiên tòa sơ thẩm, anh H thừa nhận hiện nay còn nợ anh P số tiền trên và chưa trả, nay anh H đồng ý trả cho anh P số tiền còn nợ trên. Việc anh H tự nguyện đồng ý trả cho anh P số tiền trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh P là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét đơn kháng cáo của anh P là có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của anh P, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên anh P không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của anh P, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 138, 144, 146 của Luật xây dựng; Điều 275; Điều 288; Điều 429; Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Huỳnh Văn P.
2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 152/2023/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C về việc buộc liên đới trả nợ.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn P.

Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn P số tiền xây dựng nhà còn nợ (thiếu) là 150.000.000đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Lê Thanh S.

Buộc bà Phùng Thị Ph có nghĩa vụ trả cho anh Lê Thanh S số tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn H phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phùng Thị Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà Ph là người cao tuổi nên bà Ph được miễn.

+ Anh Lê Thanh S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000 đồng theo biên lai số 0000981 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Anh S được nhận lại 2.950.000đ.

Anh Huỳnh Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm anh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai số 0000162 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Án phí phúc thẩm:

Anh Huỳnh Văn P không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, anh được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004360 ngày 05/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội